TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2024/KDTM -PT
Ngày: 12 - 12 - 2024
V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán:Ông Trương Vĩnh Hữu.

Bà Trương Thị Tuyết Linh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*** Bà Trần Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 05 và 12 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 16/2024/TLPT- KDTM ngày 15 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "*Hợp đồng mua bán*".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 205/2024/KDTM -ST ngày 13 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo và có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 499/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần S**.

Địa chỉ: Lầu B, 1 V, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Hồng V** – giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1966;

Địa chỉ thường trú: số D, đường C, phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: số E, lầu B, đường N, phường C, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: **Công ty TNHH T1**.

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị Thu B** – Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: số A T, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Bị đơn - Công ty TNHH T1.

4. Cơ quan kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt ông L và ông D)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo án sơ thẩm:**

Nguyên đơn có đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Thành L trình bày:

Công ty cổ phần S (gọi tắt là Công ty S) và Công ty TNHH T1 (gọi tắt là công ty T1) đã nhiều lần giao dịch với nhau trong hoạt động mua bán gạo. Vào thời điểm tháng 6/2023 hai bên có ký hợp đồng cung ứng gạo, cụ thể như sau:

- Hợp đồng số 32/HĐCU-ĐT/23 ngày 24/6/2023. Theo nội dung hợp đồng bên bị đơn sẽ cung ứng cho nguyên đơn 2.000 tấn gạo 5% tấm, giá 11.900.000 đồng/tấn. Thỏa thuận trong tháng 07/2023 sẽ giao đủ số lượng gạo trên. Tuy nhiên cho đến nay phía bị đơn chỉ cung cấp cho nguyên đơn 1.800 tấn gạo 5% tấm còn thiếu lại 200 tấn.

- Hợp đồng số 34/HĐCU-ĐT/23 ngày 29/6/2023. Theo nội dung hợp đồng bên bị đơn sẽ cung ứng cho nguyên đơn 1.000 tấn gạo 25% tấm, giá 11.500.000 đồng/tấn. Thỏa thuận trong tháng 07/2023 sẽ giao đủ số lượng gạo trên. Tuy nhiên cho đến nay phía bị đơn chỉ cung cấp cho nguyên đơn 680 tấn gạo 25% tấm, còn thiếu lại 320 tấn.

Tổng giá trị hàng hóa mà công ty T1 vi phạm hợp đồng và không giao cho công ty S là 200 tấn gạo 5% tấm và 320 tấn gạo 25% tấm với số tiền là 6.060.000.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 4.2 của hợp đồng thì trách nhiệm của bên B (công ty T1) là: *"Đảm bảo gạo đủ tiêu chuẩn để giao cho bên A đúng số lượng, chất lượng và thời giam quy định ... phải bồi thường mọi tổn thất phát sinh, đồng thời chịu phạt 20% trị giá hợp đồng"*.

Do phía bị đơn đã vi phạm hợp đồng giao hàng đã ký, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản tiền vi phạm hợp đồng (mức 20% của giá trị hợp đồng vi phạm) là 6.060.000.000 đồng x 20% = 1.212.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm mười hai ngàn đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 606.000.000 đồng (Sáu trăm lẻ sáu triệu đồng).

Bị đơn có đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Văn D trình bày:

Giữa Công ty Cổ phần S (gọi tắt là Công ty S) và Công ty TNHH T1 (gọi tắt là Công ty D1(ức T) có ký kết 02 (hai) hợp đồng kinh tế số 32 và 34 như

nguyên đơn trình bày. Sau khi ký kết hợp đồng, Công Ty T1 tiến hành thu mua gạo giao cho Công ty S đúng nội dung hợp đồng đã ký. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng thì tình hình thiên tai, mưa bão, lúa ngập úng dẫn đến gạo không đạt chất lượng, đặc biệt lúa gạo có sự biến động toàn cầu, lúa gạo trở nên khan hiếm, giá tăng cao.

Ngày 02/8/2023, căn cứ vào điểm 5.1 Điều V- Điều khoản chung của hợp đồng, Công ty T1 có gởi văn bản đến Công ty S xin giảm số lượng phần còn lại của Hợp đồng đã ký, Công ty S chấp thuận, việc chấp thuận thể hiện các bên đồng ý trừ tiền cọc vào giá trị tiền hàng đã nhận, do đó các bên đã thực hiện hoàn tất hợp đồng. Vì vậy bị đơn không đồng ý trả tiền phạt hợp đồng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì hợp đồng đã kết thúc.

* Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 205/2024/ KDTM -ST ngày 13 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào các Điều 418, 430, Điểm b khoản 2 Điều 437 Bộ luật Dân sự;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 606.000.000 đồng (Sáu trăm lẻ sáu triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, bị đơn là Công ty TNHH T1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 27/QĐ-VKS-KDTM, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- *Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:* Giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết 02 hợp đồng cung ứng gạo xuất khẩu, cụ thể:

Hợp đồng số 32/HĐCU-ĐT/23 ngày 24/6/2023, giá trị hợp đồng là 2.000 tấn gạo x 11.900.000 đồng/tấn = 23.800.000.000 đồng.

Ngày 26/6/2023 nguyên đơn chuyển cho bị đơn 10% giá trị hợp đồng là 2.380.000.000 đồng. Bị đơn giao cho nguyên đơn 1.000 tấn gạo x 11.900.000 đồng/tấn = 13.090.000.000 đồng. Nguyên đơn còn phải thanh toán cho bị đơn 90% x 13.090.000.000 đồng = 11.781.000.000 đồng.

Ngày 25/7/2023, hai bên ký phụ lục hợp đồng số 01 về việc tăng giá 900 tấn gạo x 100 đồng/kg = 90.000.000 đồng.

Ngày 02/8/2023, bị đơn giao cho nguyên đơn 700 tấn gạo x 12.000.000 đồng/tấn = 8.400.000.000 đồng. Nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn 90% x 8.400.000.000 đồng = 7.560.000.000 đồng cộng 10% giá trị hợp đồng tăng giá

(100đồng/kg x 700 tấn = 7.000.000 đồng) nhưng nguyên đơn chỉ thanh toán 7.560.000.000 đồng, còn nợ bị đơn 7.000.000 đồng.

Hợp đồng số 34/HĐCU-ĐT/23 ngày 29/6/2023, giá trị hợp đồng là 1000 tấn gạo x 11.500.000 đồng/tấn = 11.500.000.000 đồng.

Ngày 30/6/2023, nguyên đơn chuyển cho bị đơn 10% giá trị hợp đồng là 1.150.000.000 đồng.

Ngày 25/7/2023, hai bên kí Phụ lục hợp đồng số 01 tăng giá 1.000 tấn x 100 đồng/kg = 100.000.000 đồng.

Ngày 02/8/2023, bị đơn giao cho nguyên đơn 680 tấn gạo x 11.600.000 đồng/tấn = 7.888.000.000 đồng. Nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn số tiền 7.106.000.000 đồng, nhưng nguyên đơn chỉ thanh toán cho bị đơn 6.507.000.000 đồng. Như vậy, nguyên đơn còn nợ lại bị đơn 599.000.000 đồng của hợp đồng số 34 cộng với 7.000.000 đồng của hợp đồng số 32, tổng cộng là 606.000.000 đồng.

Theo "Bảng đối chiếu công nợ ngày 03/8/2023" thì số hoá đơn đã xuất ra của hợp đồng 31,32,34 là 35.804.000.000 đồng bằng với số tiền nguyên đơn đã thanh toán cho bị đơn, đồng nghĩa với việc nguyên đơn không chuyển 10% giá trị ở Hợp đồng số 31 và 10% giá trị của 320 tấn gạo của Hợp đồng số 34.

Mặt khác, ngày 02/8/2023 bị đơn đã gửi văn bản xin giảm số lượng gạo đã ký. Ngày 03/8/2023, nguyên đơn đã gửi bản đối chiếu công nợ cấn trừ 10% giá trị của 02 hợp đồng nêu trên và xin cho 02 phương tiện đi hàng.

Nhận thấy, 10% giá trị của 250 tấn gạo là số tiền dùng để đảm bảo thực hiện hợp đồng theo thoả thuận tại hợp đồng chính, nhưng nguyên đơn đã cấn trừ hết không chuyển 10% giá trị của 250 tấn gạo còn lại cho bị đơn, nên nguyên đơn là bên vi phạm hợp đồng trước, dẫn đến bị đơn không đồng ý giao gạo cho nguyên đơn như thoả thuận trong hợp đồng, do đó bị đơn không phải chịu phạt hợp đồng do không giao gạo đủ số lượng.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát; sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát trình bày nội dung kháng nghị như sau:

Các bên tham gia ký kết hợp đồng thoả thuận: "Bên A (Công ty S) thanh toán trước 10% giá trị hợp đồng cho bên B. Sau khi bên B xếp Sau khi bên B xếp hàng xuống sà lan…bên A sẽ thanh toán ngay cho bên B 90% giá trị hàng hóa đã xếp xuống từng sà lan/ container".

Ngày 25/7/2023 Công ty S và Công ty T1 ký Phụ lục số 01 kèm Hợp đồng số 32 có nội dung: Bên A đồng ý tăng giá như sau: 1.100 tấn x 11.900.000đ/tấn = 13.090.000.000 đồng; 900 tấn x 12.000.000 đ/tấn = 10.800.000.000 đồng. Tổng giá trị Hợp đồng là 23.890.000.000 đồng.

Ngày 25/7/2023 Công ty S và Công ty T1 ký Phụ lục số 01 kèm Hợp đồng số 34 có nội dung: Bên A đồng ý tăng giá 100.000 đồng/tấn, như vậy tổng giá trị hợp đồng: 1.000 tấn x 11.600.000 đ/tấn = 11.600.000.000 đồng.

Cả hai Phụ lục hợp đồng đều thỏa thuận các điều khoản khác không ghi trong phụ lục này vẫn được thực hiện như Hợp đồng chính số 32, 34. Phụ lục này là một bộ phận không tách rời Hợp đồng chính.

Theo các thỏa thuận này thì Công ty S phải chuyển thêm 10% giá trị 02 Hợp đồng số 32, 34 cho Công ty T1 (bao gồm cả giá trị Hợp đồng 32, 34 và giá trị tăng thêm theo phụ lục 01).

Thực hiện các Hợp đồng trên, thì Công ty S đã chuyển 10% giá trị hợp đồng cho Công ty T1, sau đó Công ty T1 giao gạo cho Công ty S thì Công ty S chỉ thanh toán tiếp 90% giá trị số gạo đã giao cho Công ty T1. Tuy nhiên, sau khi kết toán đợt giao hàng 1.800 tấn của Hợp đồng số 32 và 680 tấn của Hợp đồng số 34 thì Công ty S phải thanh toán cho Công ty T1 số tiền 36.410.000.000 đồng (bao gồm tiền thanh toán Hợp đồng số 31, 32, 34 là 35.804.000.000 đồng và để lại 606.000.000 đồng là 10% giá trị 520 tấn gạo còn lại). Nhưng Công ty S đã tất toán 10% giá trị hợp đồng (tức 660.000.000 đồng) vào số tiền thanh toán cho việc nhận 2.480 tấn gạo, là đã vi phạm thỏa thuận trong Hợp đồng (không để lại 10% giá trị 520 tấn gạo còn lại là số tiền để đảm bảo cho Hợp đồng tiếp tục được thực hiện. Như vậy, từ việc Công ty S vi phạm trước không để lại 10% giá trị Hợp đồng mới dẫn đến Công ty T1 không giao 520 tấn gạo cho Công ty S. Do đó, Công ty T1 không phải chịu phạt do vi phạm Hợp đồng theo quy định tại Điều 300 và điểm c, Khoản 1, Điều 294 Luật thương mại.

Tại Điều 300 Luật thương mại quy định: Phạt vi phạm là việc bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm trả một khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng nếu trong hợp đồng có thỏa thuận, trừ các trường hợp miễn trách nhiệm quy định tại Điều 294 của Luật này.

Tại điểm c, Khoản 1 Điều 294 Luật thương mại quy định:

"1. Bên vi phạm hợp đồng được miễn trách nhiệm trong các trường hợp sau đây:

c) Hành vi vi phạm của một bên hoàn toàn do lỗi của bên kia."

Mặt khác, phía Công ty T1 trình bày là hai bên đã có thống nhất trước là Công ty S đồng ý giảm 520 tấn gạo còn lại cho Công ty T1 là có cơ sở chấp nhận, bởi vì sau khi giao xong 2480 tấn gạo thì ngày 02/8/2023 Công ty T1 gửi văn bản cho Công ty S xin giảm 520 tấn gạo còn lại, và ngày 03/8/2023 Công ty S chuyển tiền thanh toán số gạo đã nhận của Công ty T1 và trừ luôn 10% giá trị hợp đồng của 520 tấn gạo còn lại để thanh toán số gạo đã nhận của Công ty T1, không để lại giá trị 10% của 520 tấn gạo còn lại nhằm để đảm bảo cho Hợp đồng tiếp tục thực hiện.

Do đó, có căn cứ xác định từ việc sau khi Công ty T1 có đơn xin giảm số lượng 520 tấn gạo còn lại thì Công ty S chuyển tiền thanh toán vừa đủ số gạo đã nhận và gửi văn bản đối chiếu công nợ tất toán luôn 10% giá trị 520 tấn gạo còn lại vào việc thanh toán số gạo đã nhận cho Công ty T1 ngay sau khi Công ty T1 xin giảm số lượng gạo, nên Công ty T1 không có nghĩa vụ phải giao tiếp 520 tấn gạo còn lại cho Công ty S. Mặt khác, xuất phát từ việc Công ty S có lỗi trước

theo thỏa thuận của hai Công ty là không chuyển 10% giá trị số gạo còn lại cho Công ty T1 để đảm bảo hợp đồng được thực hiện, nên Công ty T1 không phải trả tiền phạt vi phạm Hợp đồng 606.000.000 đồng (tương đương 10% giá trị 520 tấn gạo còn lại) là có căn cứ theo viện dẫn trên. Đồng thời, Công ty S cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh là có bị thiệt hại liên quan đến 520 tấn gạo còn lại.

Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty S, buộc Công ty T1 phải trả cho Công ty S số tiền vi phạm Hợp đồng 606.000.000 đồng (tương đương 10% giá trị 520 tấn gạo còn lại) là vi phạm quy định tại Điều 301 Luật thương mại.

"Tại Điều 301 Luật thương mại quy định: "Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm".

Vì các lẽ trên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm như đã phân tích nêu trên.

- *Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thành L trình bày:* Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, không đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu Công ty TNHH T1 phải trả cho Công ty Cổ phần S số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 8% của giá trị hợp đồng vi phạm, thành tiền 484.800.000 đồng (Bốn trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm ngàn đồng).

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát; sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn và quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang còn trong thời hạn quy định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thành L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu Công ty TNHH T1 phải trả cho Công ty Cổ phần S số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 484.800.000 đồng (Bốn trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm ngàn đồng). Xét việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về nội dung kháng cáo, kháng nghị xét thấy:

Kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, không phù hợp pháp luật, bởi lẽ cả hai hợp đồng cung ứng gạo xuất khẩu số 32 và 34 đều quy định hạn chót giao toàn bộ số lượng hàng là ngày 31/7/2023. Tuy nhiên, đến hết ngày 31/7/2023 mà bị đơn vẫn không giao đủ số lượng gạo cho nguyên đơn như đã thoả thuận, tổng cộng số lượng gạo còn thiếu là 520 tấn có giá trị 6.606.000.000 đồng.

- Tại Điểm 3.2 Điều III của các hợp đồng quy định: *"Trường hợp giá cả thị trường thay đổi, bên B (Công ty TNHH T1) vẫn phải giao hàng cho bện A theo đơn giá và số lượng của hợp đồng. Bên B đảm bảo giao lọt lòng tàu (hoặc sà lan) đúng theo số lượng trong thông báo giao hàng của bên A. Nếu không giao đủ hàng vì bất cứ lý do gì… bên B phải bồi thường cho bên A số lượng hao hụt theo đơn giá thị trường tại thời điểm giao hàng…".*

Điểm 4.2 Điều IV của hợp đồng quy định:

"Trách nhiệm của bên B: Đảm bảo gạo đủ tiêu chuẩn để giao cho bên A đúng số lượng, chất lượng và thời gian quy định. Nếu bên A đã thông báo lịch giao hàng cho tàu mà vì bất cứ lý do gì bên không giao đủ hàng theo đúng thời gian và tiến độ xếp hàng của tàu thì phải bồi thường mọi tổn thất phát sinh, đồng thời chịu phạt 20% trị giá hợp đồng".

Tại phiên toà bị đơn trình bày bị đơn có gửi cho nguyên đơn văn bản ngày 02/8/2023 xin giảm số lượng gạo. Tuy nhiên việc bị đơn gửi văn bản này là sau khi hành vi vi phạm của bị đơn đã hoàn thành và bị đơn không chứng minh được nguyên đơn đã đồng ý với đề nghị của bị đơn. Như vậy, đề nghị của bị đơn mang tính chất đơn phương, chưa có sự thỏa thuận từ hai phía về việc chấm dứt hợp đồng.

Tại Điều V của Hợp đồng quy định: *"Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi hai bên gặp nhau bàn bạc để bổ sung bằng biên bản, mọi thay đổi đơn phương không có giá trị thực hiện".*

Do đó yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc không chịu phạt hợp đồng là không có cơ sở xem xét.

Kháng nghị cho rằng nguyên đơn vi phạm hợp đồng trước, dẫn đến hành vi vi phạm hợp đồng của bị đơn cũng không có căn cứ.

Tuy nhiên, việc Toà án cấp sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền phạt vi phạm hợp đồng 606.000.000 đồng (10% của giá trị hợp đồng vi phạm) là chưa phù hợp với quy định tại Điều 301 của Luật Thương mại như nội dung kháng nghị đã nêu là có cơ sở.

Điều 301 Luật Thương mại năm 2005 quy định: *"Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm …".*

Mặt khác, tại phiên toà nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn 8% giá trị hợp đồng vi phạm, thành tiền 484.800.000 đồng là phù hợp với quy định nêu trên. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 484.800.000 đồng và sửa phần án phí có giá ngạch mà bị đơn phải chịu.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có một phần phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[4]. Về án phí: Bị đơn phải chịu 21.696.000 đồng án phí sơ thẩm có giá ngạch và không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309; Điều 147; Điều 148; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 418, 430, điểm b khoản 2 Điều 437 Bộ luật Dân sự; Điều 301 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH T1.

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 27/QĐ-VKS-KDTM ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại số 205/2024/KDTM-ST ngày 13/7/2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S.

Buộc Công ty TNHH T1 phải trả cho Công ty Cổ phần S số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 484.800.000 đồng (Bốn trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2/- Về án phí: Công ty TNHH T1 phải chịu 21.696.000 đồng (Hai mươi mốt triệu, sáu trăm chín mươi sáu ngàn đồng) án phí sơ thẩm.

Hoàn tạm ứng án phí phúc thẩm cho Công ty TNHH T1, số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0015656 ngày 26/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

H tạm ứng án phí cho Công ty Cổ phần S, số tiền 21.181.000 đồng (Hai mươi mốt triệu, một trăm tám mươi mốt ngàn đồng) theo biên lai số 0013246 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên lúc 08 giờ ngày 12/12/2024, có mặt ông L và ông D.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử:
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thu Thủy